

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ R G  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13/5/2024

V/v: “Ly hôn giữa anh T và chị U”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R G, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Bùi Tấn Nghĩa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Hoài Khanh.

2. Bà Hà Thị Thủy.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Hồng Diễm – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố R G.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G tham gia phiên tòa:* Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố R G xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 67/2024/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 02 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Lý Thành T**, sinh năm 1995. Địa chỉ: Số 618A, đường D M C, phường V Q, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị **Huỳnh Thị U**, sinh năm 1995. Địa chỉ: Số 300, tổ 2, ấp S C, xã P T, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt lần thứ 2).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 03/01/2024 và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Lý Thành T trình bày:*

Anh T và chị U tự nguyện quen nhau, đi đến tổ chức lễ cưới và chung sống vợ chồng vào năm 2015, có đăng ký kết hôn và được UBND phường V Q, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/02/2018.

*Lý do anh T yêu cầu xin ly hôn:* Anh T xác nhận rằng, do quá trình chung sống tính tình đôi bên không hợp, bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến trong cách cư xử hàng ngày, về vấn đề kinh tế gia đình, nuôi dạy con cái, mỗi người có suy nghĩ và hành động khác nhau; vợ chồng thiếu thông cảm và quan tâm chăm sóc nhau trong cuộc sống. Cả hai đã nhiều lần hòa giải hàn gắn nhưng không mang lại kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng thêm; do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp nên chị U đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ năm 2021 và vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh T làm đơn xin ly hôn với chị U.

- Về con chung: Anh T xác nhận có 02 người con chung tên Lý Ngọc D, sinh ngày 04/11/2015 và Lý Thị Ngọc Q, sinh ngày 09/10/2018. Hiện đang sống với chị U.

Anh T đồng ý giao 02 người con chung tên Lý Ngọc D, sinh ngày 04/11/2015 và Lý Thị Ngọc Q, sinh ngày 09/10/2018 cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng x 2 người con = 2.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Việc cấp dưỡng thực hiện vào ngày 28 hàng tháng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Quá trình tố tụng và tại phiên tòa anh T yêu cầu yêu cầu:*

Về hôn nhân: Anh T yêu cầu được ly hôn với chị U.

Về con chung: Anh T đồng ý giao 02 người con chung tên Lý Ngọc D, sinh ngày 04/11/2015 và Lý Thị Ngọc Q, sinh ngày 09/10/2018 cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng x 2 người con = 2.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn chị Huỳnh Thị U đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tại buổi làm việc tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 06/4/2024 chị U thể hiện ý kiến:* Chị U yêu cầu được nuôi 02 người con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự như tổng đạt: Thông báo thụ lý; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định

đưa vụ án xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy báo phiên tòa hợp lệ, nhưng bị đơn chị U vắng mặt. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt bị đơn chị Huỳnh Thị U.

[2] *Nhận định về quan hệ hôn nhân:* Anh T và chị U tự nguyện quen nhau, đi đến tổ chức lễ cưới và chung sống vợ chồng vào năm 2015, có đăng ký kết hôn và được UBND phường V Q, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/02/2018. Căn cứ Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị U được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T,* Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng anh T và chị U không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng xây dựng mái ấm gia đình bền vững và hạnh phúc; xuất phát từ việc tính tình đôi bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến; vợ chồng không còn tin tưởng, thông cảm, quan tâm và chia sẻ với nhau trong cuộc sống, thường hay cự cãi với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục để hòa giải hôn nhân và gia đình nhưng chị U cố tình lánh mặt không đến Tòa án, điều đó cho thấy chị U cũng không có thiện chí và mong muốn trong việc hàn gắn lại tình cảm với anh T; cả hai cũng đã ly thân với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị U đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong phần nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T được ly hôn với chị U.

[4] *Về con chung:* Có 02 người con chung tên Lý Ngọc D, sinh ngày 04/11/2015 và Lý Thị Ngọc Q, sinh ngày 09/10/2018, hiện đang sống với chị U. Tại bản trình bày nguyện vọng, người con tên Lý Thị Dung thể hiện nguyện vọng muốn được sống với Mẹ.

Xét thấy, quá trình trông nom, nuôi dưỡng các con chung chị U đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của người mẹ đối với con; đảm bảo được quyền, lợi ích hợp pháp của những người con chung. Do đó, để đảm bảo môi trường sống, sự phát triển, quyền lợi mọi mặt, cũng như tôn trọng nguyện vọng của người con chung. Trong phần nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận nguyện vọng về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn giữa anh T và chị U: Giao 02 người con chung tên Lý Ngọc D, sinh ngày 04/11/2015 và Lý Thị Ngọc Q, sinh ngày 09/10/2018 cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lý Thành T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng x 02 người con = 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng bắt đầu thực hiện sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và thực hiện cấp dưỡng tiếp theo vào ngày 28 hàng tháng. Hai bên tự giao nhận tiền cấp dưỡng hoặc yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R G thực hiện.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị U vắng mặt, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với tài sản chung và nợ chung của vợ chồng. Trường hợp, chị U có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng thì sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 28; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lý Thành T và chị Huỳnh Thị U.
2. Về con chung: Giao 02 người con chung tên Lý Ngọc D, sinh ngày 04/11/2015 và Lý Thị Ngọc Q, sinh ngày 09/10/2018 cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lý Thành T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng x 02 người con = 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu thực hiện sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và thực hiện cấp dưỡng tiếp theo vào ngày 28 hàng tháng. Hai bên tự giao nhận tiền cấp dưỡng hoặc yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R G thực hiện.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Anh Lý Thành T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

**3. Về tài sản chung, nợ chung:** Anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp, chị U có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng thì sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

**4. Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn:** Anh T phải nộp 300.000 đồng. Anh T đã tạm nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006013, ngày 22/01/2024 tại chi cục Thi hành án Dân sự thành phố R G, nên ông Tâm được khấu trừ. Anh T còn phải nộp án phí người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

**5. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. R G;
- THA DS TP. R G;
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Tấn Nghĩa**